

**TRƯỜNG THPT BÙI HỮU NGHĨA
TỔ SỬ-ĐỊA-GDKT&PL**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 (2025- 2026)
MÔN: LỊCH SỬ 12**

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

Bài 10. Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay.

Bài 11. Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Bài 12. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1975

Bài 13. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ 1975 đến nay..

Bài 14. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

Bài 15. Hồ Chí Minh – Anh hùng Giải phóng dân tộc.

Bài 16. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Trắc nghiệm khách quan: 24 câu (60 % - 6.0 điểm)

2. Trắc nghiệm (Đúng-Sai): 4 câu (40% - 4.0 điểm)

Thời gian kiểm tra: 45 phút

III. NỘI DUNG KIẾN THỨC CƠ BẢN

**CHỦ ĐỀ 4: CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY
BÀI 10.**

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

I. Khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986 – 1995)

Từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX, trước những thay đổi của tình hình thế giới và thực trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức được yêu cầu phải đổi mới đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, chính thức mở đầu công cuộc Đổi mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6 /1991) và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới.

Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995 là:

- Đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

– Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

– Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước; đổi mới cơ cấu kinh tế, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; điều chỉnh cơ cấu đầu tư; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

– Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng.

- Đổi mới chính sách văn hoá – xã hội, phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất.
- Mở rộng quan hệ với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình,...

II. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế (1996-2006)

Sau 10 (năm) đổi mới, kinh tế-xã hội Việt Nam đã cơ bản ổn định, đất nước có những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong khi đó tình hình thế giới có nhiều biến đổi tác động đến hầu hết các quốc gia.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996), Đại hội lần thứ IX (4/2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 1996-2006

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; gắn việc đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa với từng bước phát triển kinh tế tri thức.
- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
- Đổi mới hệ thống chính trị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; củng cố quốc phòng, an ninh.
- Chú trọng phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.
- Đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế; chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế,...

III. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

Sau 20 năm đổi mới (1986-2006) thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh vượt bậc, uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao. Tuy vậy nhiều nguy cơ thách thức vẫn tồn tại yêu cầu đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn này là tiếp tục mới mạnh mẽ toàn diện và đồng bộ phát triển nhanh và bền vững hơn.

Các kì Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X (2006), XI (2011), XII (2016), XIII (2021) tiếp tục phát triển đường lối đổi mới, với chủ trương chung là tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay:

- Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc Đổi mới; phát triển nhận thức về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với nền kinh tế thị trường định hướng chủ nghĩa xã hội; đổi mới tư duy phát triển, phương thức phát triển.
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế.

- Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tăng cường quốc phòng và an ninh.
- Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tiếp tục phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại; chuyển từ hội nhập kinh tế quốc tế sang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng,...

Bài 11. THÀNH TỰU CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN NAY

LĨNH VỰC	THÀNH TỰU
CHÍNH TRỊ	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Tình hình chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được đảm bảo và tăng cường. - Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng; khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố. - Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị được đẩy mạnh. - Độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững.
KINH TẾ	<ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam đã chuyển đổi thành công từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lí của Nhà nước, từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ngày càng sáng tỏ. - Sau 10 năm đổi mới (1986-1995), Việt Nam đã vượt qua khủng hoảng kinh tế- xã hội. Đến năm 2008, Việt Nam ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp, từng bước vươn lên trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. - Tăng trưởng kinh tế ở mức khá cao, trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô nền kinh tế không ngừng được mở rộng. Năm 2020, với GDP đạt mức 342.7 tỷ USD, Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN, nằm trong top 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới. - Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ nền kinh tế nông nghiệp chuyên sang nền kinh tế công nghiệp - dịch vụ. Thành phần kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. - Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh. Kim ngạch xuất nhập khẩu gia tăng, cán cân thương mại chuyển biến dần từ nhập siêu sang xuất siêu. Thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng theo hướng đa

	<p>phương hóa, đa dạng hóa. Hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài đều chuyển biến tích cực.</p>
XÃ HỘI	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách lao động, việc làm của Nhà nước có nhiều chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động tham gia tạo việc làm. Số lượng lao động được tạo việc làm trong nước hằng năm tăng lên trung bình khoảng hơn 1 triệu người mỗi năm. - Công tác xóa đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả ấn tượng, được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Tỷ lệ hộ nghèo trên cả nước giảm nhanh. Giai đoạn 2016-2020, Việt Nam là một trong 30 quốc gia đầu tiên thế giới và là quốc gia đầu tiên ở châu Á áp dụng chuẩn nghèo đa chiều. - Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện chính sách ưu đãi người có công và chính sách an sinh xã hội đạt nhiều tiến bộ. Đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao.
VĂN HÓA	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời kỳ đổi mới, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được chú trọng xây dựng và phát triển; đời sống văn hóa được cải thiện; giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa được mở rộng. - Việt Nam đã chú trọng bảo tồn, kế thừa và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, di sản văn hóa của dân tộc. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hóa phát triển ngày càng phong phú, đa dạng. Bên cạnh việc ký kết các thỏa thuận, điều ước quốc tế có nội dung văn hóa, hoạt động giao lưu, hợp tác, về văn hóa được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức. - Lĩnh vực giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ có nhiều tiến bộ. Việt Nam đã hoàn thành xóa mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000, đạt chuẩn giáo dục trung học cơ sở năm 2010. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực. Vị thế giáo dục đại học Việt Nam được nâng lên trong bảng xếp hạng châu Á và thế giới. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục tăng.
HỘI NHẬP QUỐC TẾ	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra theo từng bước, từ hội nhập kinh tế quốc tế đến hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. + Mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia và vùng lãnh thổ các tổ chức khu vực và quốc tế. + Tham gia các hiệp ước, hiệp định song phương và đa phương về thương mại, an ninh, ngoại giao, trao đổi văn hóa, du lịch... + Đề xuất sáng kiến và tham gia giải quyết các vấn đề chính trị, xã hội, an ninh kinh tế,... của khu vực và quốc tế.

**BÀI HỌC KINH
NGHIỆM**

- Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh: Một trong những nguyên tắc hàng đầu được thực hiện trong quá trình đổi mới ở Việt Nam là bảo đảm độc lập dân tộc và kiên định con đường chủ nghĩa xã hội, xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi hình thức và cách làm phù hợp: Đổi mới cần tiến hành đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các cấp từ trung ương đến địa phương. Nhưng muốn đổi mới có hiệu quả và bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, xã hội, cần có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân: Bảo đảm lợi ích của nhân dân là phương thức hiệu quả nhất để khơi dậy tiềm năng trong nhân dân. Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân gắn liền với thực hiện nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

- Kết hợp nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới: Bên cạnh việc phát huy nội lực, coi nội lực là nhân tố quyết định, cần kết hợp với khai thác ngoại lực, kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế để tạo ra sức mạnh tổng hợp giúp đất nước phát triển nhanh và bền vững.

**CHỦ ĐỀ 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI
BÀI 12: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN
NĂM 1975**

1. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945

- Hoạt động đối ngoại của một số nhà yêu nước Việt Nam tiêu biểu

Nhân vật	Thời gian	Hoạt động đối ngoại chủ yếu
Phan Bội Châu	1905-1909	Sang Nhật Bản, tiếp xúc với một số nhân vật như Lương Khải Siêu, Khuyển Dưỡng Nghị, Đại Ôi,...; tìm kiếm sự ủng hộ đối với công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Nam; tổ chức phong trào Đông du; tham gia thành lập Đông Á Đồng minh Hội và Điền – Quế – Việt Liên minh.

	1909-1925	Tiếp xúc với nhiều người yêu nước Trung Quốc; thành lập và triển khai các hoạt động của Việt Nam Quang phục Hội, tham gia sáng lập Hội Chân Hoa Hưng Á; cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga,... nhằm tranh thủ sự giúp đỡ đối với cách mạng Việt Nam.
Phan Châu Trinh	1906	Sang Nhật Bản rồi về nước, gửi thư đề nghị Toàn quyền Đông Dương cải cách chế độ cai trị, mở mang kinh tế, giáo dục đối với nhân dân Việt Nam.
	1911-1925	Hoạt động tại Pháp, tiếp xúc với các lực lượng cấp tiến ở Pháp; gửi kiến nghị lên Chính phủ Pháp; lên án chính sách cai trị của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương; viết báo, diễn thuyết để thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam... nhằm tranh thủ sự giúp đỡ cho cách mạng Việt Nam.
Nguyễn Ái Quốc	1918-1920	Gia nhập Đảng Xã hội Pháp; gửi bản <i>Yêu sách của nhân dân An Nam</i> đến Hội nghị Véc-xai; bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp gia nhập Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản); tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp,... nhằm tìm kiếm sự ủng hộ đối với cách mạng Việt Nam.
	1921-1930	Tham dự nhiều hoạt động của Quốc tế Cộng sản ở Liên Xô, Trung Quốc; tham gia sáng lập hai tổ chức có tính chất quốc tế là Hội Liên hiệp thuộc địa và Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Ái Quốc đã bước đầu kết nối cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, đồng thời đặt nền móng cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kỳ hiện đại.

- Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương

+ Trong giai đoạn 1930 – 1940, Đảng Cộng sản Đông Dương duy trì liên lạc với Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản và phong trào vô sản ở các nước, thể hiện sự ủng hộ phong trào cách mạng thế giới, đồng thời tìm kiếm sự giúp đỡ đối với công cuộc giải phóng dân tộc của Việt Nam.

+ Trong giai đoạn 1941 – 1945, thông qua Mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện chủ trương ủng hộ Liên Xô cùng lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít. Từ năm 1942- 1945, trên cương vị là đại diện của Mặt trận Việt

Minh, Hồ Chí Minh đã hai lần sang Trung Quốc để vận động ngoại giao với lực lượng Đồng minh.

2. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

Thời gian	Hoạt động đối ngoại chủ yếu
Từ năm 1945	Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư điện và công hàm cho Đại hội đồng Liên hợp quốc và chính phủ một số nước khẳng định tính hợp pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đề nghị công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
Trước ngày 6/3/1946	Thực hiện chính sách ngoại giao mềm mỏng với quân đội Trung Hoa Dân quốc, kiên quyết chống thực dân Pháp xâm lược.
Từ ngày 6/3/1946	Kí với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) Tiến hành đàm phán ngoại giao tại Đà Lạt, Phong-ten-no-bờ-lô (Pháp) Ngày 14/9/1946 kí với Pháp bản Tạm ước Việt- Pháp
Năm 1947-1949	Thiết lập cơ quan đại diện ngoại gia, phòng Thông tin tại Thái Lan, Miến Điện, Ấn Độ; cử đại diện tham gia một số hội nghị quốc tế và khu vực tại châu Á và châu Âu.
Năm 1950	Thiết lập quan hệ ngoại giao với với các nước XHCN: Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên và một số nước Đông Âu (Tiệp Khắc, Đức, Ru-ma-ni, Ba Lan,...)
Năm 1951	Tăng cường mối quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương. Tổ chức hội nghị thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào tại Tuyên Quang (3- 1951)
Năm 1954	Cử phái đoàn ngoại giao tham dự hội nghị và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, buộc Pháp thừa nhận và tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

3. Hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
- Đấu tranh yêu cầu thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ.	Từ năm 1954 đến năm 1958, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhiều lần gửi công hàm cho chính quyền Sài Gòn và các bên liên quan, yêu cầu thực hiện nội dung của Hiệp định Giơ-ne-vơ

- Cùng cố, phát triển quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa	Từ năm 1954 đến năm 1975, Chủ tịch Hồ Chí Minh và lãnh đạo cấp cao của Việt Nam đã có nhiều cuộc tiếp xúc với lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô.
- Tăng cường quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương	Năm 1965, Hội nghị nhân dân ba nước Đông Dương diễn ra tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia). Năm 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương ra tuyên bố chung.
- Đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri	Từ năm 1968 đến năm 1973, Việt Nam cử các phái đoàn ngoại giao, tham gia đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri.
- Mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước, đặc biệt là sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973)	Từ năm 1954 đến năm 1975, Việt Nam thiết lập, mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước như: Cu-ba (1960); Ca-mơ-run (1972); Hà Lan, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Pháp (1973); Nê-pan, Ni-giê-ri-a (1975),...
- Đẩy mạnh đối ngoại nhân dân	Năm 1968, Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân Mỹ (gọi tắt là Ủy ban Việt – Mỹ) được thành lập.

BÀI 13: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985

Trong giai đoạn 1975- 1985, Việt Nam đẩy mạnh hoạt động ngoại giao hòa bình, hữu nghị với các quốc gia và các tổ chức quốc tế, đồng thời đấu tranh chống chính sách bao vây, cấm vận từ bên ngoài

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa	+ Năm 1975, Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm chính thức Liên Xô. Hai bên kí các hiệp định tương trợ. Trên cơ sở đó, Liên Xô giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình lớn như: Nhà máy Thủy điện Hoà Bình, Nhà máy Xi măng Bim Sơn,... + Năm 1978, Việt Nam và Liên Xô kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác.

	+ Năm 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và kí nhiều hiệp ước hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
Phát triển quan hệ với các nước láng giềng Đông Nam Á, thúc đẩy đối thoại với ASEAN	+ Năm 1977, Việt Nam và Lào kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác. + Năm 1979, Việt Nam giúp nhân dân Cam-pu-chia lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me Đỏ.
Tham gia và đóng góp tích cực vào phong trào Không liên kết	Năm 1976 nước Việt Nam thống nhất chính thức gia nhập Phong trào Không liên kết
Phát triển quan hệ đối ngoại với các quốc gia và tổ chức quốc tế	+ Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên Liên hợp quốc. + Đến năm 1979, Việt Nam đã tham gia 33 tổ chức và 19 điều ước quốc tế
Bước đầu đàm phán bình thường hóa quan hệ với Mỹ	Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, Việt Nam đã gửi thông điệp cho chính quyền Mỹ về việc duy trì quan hệ song phương trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, không thù địch. Nhiều cuộc hội đàm Việt – Mỹ đã diễn ra tại Pa-ri và Hà Nội.

2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Trong quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã từng bước thành công trong việc phá thế bao vây, cấm vận, đồng thời triển khai nhiều hoạt động đối ngoại hội nhập mạnh mẽ vào cộng đồng quốc tế.

Hoạt động	Những sự kiện tiêu biểu
Phá thế bao vây cấm vận	- Năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hoá quan hệ ngoại giao. - Năm 1995, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao.
Củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với Lào, Cam-pu-chia; tham gia ASEAN, thúc đẩy hoạt động đối ngoại ở Đông Nam Á	- Năm 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. - Năm 1995, Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA). - Việt Nam tổ chức thành công nhiều hoạt động và hội nghị của ASEAN; đảm nhiệm vai trò nước Chủ tịch ASEAN vào các năm 1998, 2010, 2020; có nhiều đóng góp xây dựng Cộng đồng ASEAN.
Thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác	Từ năm 2008 đến năm 2023, Việt Nam lần lượt thiết lập, nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc, Liên bang Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản.
Gia nhập và đóng góp tích cực đối với các tổ chức, diễn đàn quốc tế	- Năm 2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). - Đến năm 2023, Việt Nam là thành viên của 70 diễn đàn và các cơ chế hợp tác quốc tế, có quan hệ với hơn 500 tổ chức phi chính phủ trên thế giới.

Trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động đối ngoại nhằm bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; giải quyết tranh chấp bất đồng trong vấn đề biên giới thông qua đàm phán, thương lượng.

Hoạt động đối ngoại trong những năm gần đây còn gắn với các lĩnh vực như giao lưu văn hóa, hỗ trợ nhân đạo, cứu hộ thảm họa thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu,...

Hoạt động đối ngoại nhân dân tiếp tục có bước phát triển mới, gắn liền với vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

CHỦ ĐỀ 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

BÀI 14: KHÁI QUÁT VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

Nội dung	Hoàn cảnh
Hoàn cảnh đất nước	<ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam là đất nước văn hiến, có lịch sử lâu đời. Trải qua hàng năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã hun đúc nên những truyền thống quý báu và nổi bật như yêu nước, kiên cường, đoàn kết, nhân nghĩa,... - Cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp đã đặt được ách cai trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Từ một quốc gia độc lập, Việt Nam trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng gay gắt. Nhiệm vụ cứu nước, giải phóng dân tộc trở nên cấp thiết. - Từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước chống Pháp dưới ngọn cờ phong kiến và cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đều thất bại. Con đường cứu nước và giải phóng dân tộc của Việt Nam rơi vào khủng hoảng, bế tắc.
Hoàn cảnh quê hương	<ul style="list-style-type: none"> - Nghệ An là địa phương có truyền thống hiếu học và khoa bảng, người dân chịu khó, cần cù trong lao động. Đây là vùng đất của những làn điệu dân ca ví, giặm, là quê hương của nhiều danh nhân như Trạng nguyên Hồ Tông Thốc, nữ sĩ Hồ Xuân Hương, chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu,... - Nghệ An là nơi có truyền thống đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm. Vào đầu thế kỷ XX, cuộc khai thác thuộc địa của tư bản Pháp đã dẫn đến hình thành khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy. Từ đó Nghệ An trở thành trung tâm công nghiệp buôn bán lớn ở khu vực Bắc miền Trung. Những thanh niên, trí thức yêu nước và giai cấp công nhân có điều kiện tiếp thu nhiều tư tưởng mới của thời đại.
Hoàn cảnh gia đình	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước, có nền nếp, giàu lòng thương người, trọng nghĩa khí. Cha là cụ Nguyễn Sinh Sắc (1862 – 1929) – một tấm gương kiên trì về ý chí vượt khó vươn lên, người thầy mẫu mực trong dạy chữ, dạy người; Mẹ là Hoàng Thị

Loan (1868-1901)- người cần mẫn, nhân hậu, đảm đang; nuôi dưỡng các con bằng tình thương yêu và những điệu hò, câu ví, giặm của dân ca xứ Nghệ.
 - Sinh ra trong hoàn cảnh đất nước mất độc lập, được thừa hưởng những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương và gia đình, Hồ Chí Minh có sự đồng cảm với người lao động và sớm nhận thức được trách nhiệm đối với nước nhà.

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh lúc nhỏ có tên là Nguyễn Sinh Cung sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890 tại làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình hoạt động yêu nước và cách mạng, Hồ Chí Minh có những tên gọi khác nhau như Nguyễn Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc,...

Từ năm 1890 đến năm 1911: Hồ Chí Minh có tuổi thơ gắn bó với làng Sen, đến năm 1895 được cha đưa theo vào Huế, học tại trường tiểu học Pháp -Việt Đông Ba, sau đó là trường Quốc Học Huế.

Từ năm 1909 Nguyễn Tất Thành đến nhiều tỉnh phía nam như Bình Định (1909), dạy học ở Trường Dục Thanh ở Phan Thiết (1910) rồi vào Sài Gòn (1911).

Từ năm 1911 – 1919: Nguyễn Tất Thành với tên Văn Ba, rời Sài Gòn (1911) đến phương Tây tìm đường cứu nước, đi qua nhiều châu lục (châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ) để tìm hiểu thực tiễn các nước. Từ cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp (1918). Khi các nước đế quốc tổ chức Hội nghị Véc-xai (1919), Nguyễn Tất Thành gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị để đòi quyền lợi cho dân tộc Việt Nam.

Từ năm 1920- 1945: Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

- Từ 1921 – 1930: chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức, sau đó thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Năm 1933, Nguyễn Ái Quốc trở lại Liên Xô hoạt động, nhưng vẫn theo dõi và hỗ trợ phong trào cách mạng ở Việt Nam.

- Năm 1941, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, cùng với Đảng Cộng sản Đông Dương trực tiếp chuẩn bị cho cuộc vận động giải phóng dân tộc: chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập Mặt trận Việt Minh (5-1941), thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (12-1944).

- Giữa tháng 8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền thành công, đưa tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2-9-1945).

Từ năm 1945 – 1969: Hồ Chí Minh là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đồng thời giữ nhiều chức vụ quan trọng khác.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng Cộng sản Đông Dương (từ tháng 2-1951 là Đảng Lao động Việt Nam) lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (từ năm 1954 đến năm 1969).

- Tham gia xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội mới: chế độ dân chủ nhân dân (từ năm 1945) và chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc (từ năm 1954).
- Ngày 02-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Thủ đô Hà Nội.

BÀI 15: HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Hành trình đi tìm đường cứu nước (1911 – 1920)

- 1911 Nguyễn Tất Thành đi qua nhiều châu lục, làm nhiều công việc vừa kiếm sống vừa tìm hiểu thực tiễn. Từ hành trình này, Nguyễn Tất Thành đã đúc kết được một bài học và đi đến nhận định: “ Ở đâu chủ nghĩa thực dân đế quốc cũng tàn bạo, ở đâu những người lao động cũng bị áp bức cùng cực”.

- 1917 Nguyễn Tất Thành trở về Pháp hoạt động và trở thành một trong những người lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp.

- 1919 Gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* tới Hội nghị Véc – xai.

=> Kết luận: Muốn giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

- 7/1920 Đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lê-nin đăng trên tờ Nhân đạo. Luận cương giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.

=> Mở đầu việc giải quyết tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước Việt Nam.

=> Mở đầu quá trình chuẩn bị các điều kiện cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- 12/1920 Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Nội dung con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc

- Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp

- Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội

- Độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp

- Chủ nghĩa xã hội là phương hướng tiến lên

*** Ý nghĩa**

- Bước đầu giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc.

- Gắn phong trào cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

- Mở đầu quá trình chuẩn bị các điều kiện cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Chuẩn bị và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1921 -1930)

a. Chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng (1921-1929)

Sau khi xác định con đường cứu nước, từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động để chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị.	- Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể ở một nước thuộc địa; xây dựng lí luận cách mạng giải phóng dân tộc kết hợp giải phóng giai cấp phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Nội dung của lí luận cách mạng giải phóng dân tộc do Nguyễn Ái Quốc xây dựng về sau được thể hiện trong Cương lĩnh	Tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước và chuẩn bị điều kiện thành lập Đảng
-----------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------

	<p>chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).</p> <p>- Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ (1922) và viết bài cho các báo, tạp chí - (Nhân đạo, Đời sống công nhân, Sự thật, Cộng sản, Thư tín Quốc tế,...); viết tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp (1925); sáng lập báo Thanh niên (6-1925); mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng tại Trung Quốc (1925 – 1927),...</p>	
Chuẩn bị về tổ chức	<p>- Xây dựng mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới: hoạt động - trong Đảng Cộng sản Pháp, thành lập Hội liên hiệp thuộc địa (1921), hoạt động ở Liên Xô và Quốc tế Cộng sản (1923 – 1924), cùng một số nhà yêu nước các nước thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông (1925),...</p> <p>- Tìm hiểu và tập hợp thanh niên trí thức yêu nước ở hải ngoại để thành lập các tổ chức tiền thân của Đảng: Thanh niên Cộng sản đoàn (2-1925) và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925).</p>	<p>Việc tham gia và sáng lập nhiều tổ chức đã cho Nguyễn Ái Quốc nhiều bài học về xây dựng tổ chức chuẩn bị cho việc ra đời của Đảng Cộng sản.</p>

b) Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930)

*** Hoàn cảnh**

- Những hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc và Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã thúc đẩy khuynh hướng cách mạng vô sản phát triển mạnh, đưa tới sự ra đời ba tổ chức cộng sản vào năm 1929. Nhưng ba tổ chức hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, cản trở sự đi lên của cách mạng.

- Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc, triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản. Hội nghị diễn ra tại Cửu Long – Hương Cảng (Trung Quốc) với sự tham dự của đại diện Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và tổ chức đảng ở nước ngoài.

- 6/1 đến 7/2/1930 triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Soạn thảo Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng (về sau trở thành Cương lĩnh chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam).

- 24/2/1930 Đông Dương Cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam

c. Ý nghĩa thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

- Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong thời kì mới.

- Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ đây, các mạng giải phóng dân tộc được đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng thời chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo kéo dài trong nhiều thập

ki. Cách mạng Việt Nam trở thành thành một bộ phận khăng khít của phong trào cách mạng thế giới.

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt mới trong lịch sử Việt Nam.

3. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

Cuối tháng 1 năm 1941, nhận thấy tình hình thế giới và trong nước đang có những chuyển biến tích cực, Nguyễn Ái Quốc quyết định trở về nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng và đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với cách mạng Việt Nam giai đoạn 1941-1945.

- Triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5/1941) tại Pác Bó (Cao Bằng): Hội nghị khẳng định “nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là giải phóng dân tộc”; đề cao quyền dân tộc tự quyết là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa; nhấn mạnh công tác chuẩn bị cho khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân. Hội nghị đã hoàn chỉnh đường lối chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng, ghi nhận sự trở lại của tư tưởng Nguyễn Ái Quốc trong Cương lĩnh chính trị đầu năm 1930 và sự phát triển lên tầm cao mới.

- Sáng lập Mặt trận Việt Minh 19 tháng 05 năm 1941: Tại Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đưa ra sáng kiến thành lập ở mỗi nước Đông Dương một hình thức mặt trận riêng. Tại Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đề nghị lấy tên là Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), ra báo *Việt Nam độc lập* để tuyên truyền.

Xây dựng và mở rộng căn cứ địa cách mạng: Sau khi về nước tháng 1 năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi thí điểm để xây dựng căn cứ địa đầu tiên của cách mạng, sau đó nhân rộng ra các địa bàn khác. Tháng 6 năm 1945, Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, chọn Tân Trào (Tuyên Quang) làm thủ đô của Khu giải phóng.

Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (22 tháng 12 năm 1944): Trong việc xây dựng lực lượng vũ trang, Hồ Chí Minh ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, giao cho Võ Nguyên Giáp trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ này. Tháng 5 năm 1945, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân hợp nhất với Việt Nam Cứu quốc quân thành Việt Nam Giải phóng quân, trở thành lực lượng xung kích, hỗ trợ cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công.

Thực hiện các hoạt động đối ngoại đưa tới sự hợp tác hỗ trợ của lực lượng Đồng minh đối với cách mạng Việt Nam: Từ năm 1945 thông qua vai trò vận động tích cực của Hồ Chí Minh, lực lượng của Mỹ ở Côn Minh (Trung Quốc) đã hợp tác với Mặt trận Việt Minh và hỗ trợ Mặt trận Việt Minh trên nhiều lĩnh vực.

Lãnh đạo của Cách mạng tháng Tám năm 1945 khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa: Từ ngày 13 tháng 8 năm 1945 Hồ Chí Minh cùng Đảng Cộng sản Đông Dương đã tận dụng thời cơ, phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước và lãnh đạo toàn dân đứng lên giành chính quyền trước khi quân Đồng Minh kéo vào Đông Dương.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

4. Lãnh đạo của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

a. Giai đoạn 1945 – 1946

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đối mặt với nạn đói, nạn mù chữ, sự chống phá của các thế lực ngoại xâm và nội phản,... Trong bối cảnh đó, Đảng và Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã họp bàn tìm cách đưa cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách.

Trong việc giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp (từ đầu tháng 3 đến trước ngày 19 tháng 12 năm 1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng thực hiện chủ trương “hòa để tiến”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chủ động ký với Pháp *Hiệp định Sơ bộ* (06 tháng 03 năm 1946) và *Tạm ước Việt - Pháp* (14 tháng 9 năm 1946).

Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn này đã giúp cách mạng Việt Nam tránh phải đối đầu cùng lúc với nhiều kẻ thù, đồng thời có thêm thời gian hòa bình để xây dựng chính quyền cách mạng và chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp.

b. Giai đoạn 1946 – 1954

Trong giai đoạn 1946 – 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo nhân dân cả nước kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.

19/12/1946: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, phát động cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp.

Trong những năm 1946-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã hoạch định đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp: Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự hộ của quốc tế.

Năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương, điều chỉnh và bổ sung đường lối cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

Trong những năm kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đẩy mạnh hoạt động ngoại giao với nhân dân Pháp tiến bộ, với các nước Đông Dương; chủ động thiết lập và mở rộng quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và các nước Đông Âu nhằm tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của bên ngoài đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn tham gia họp bàn và chỉ đạo các chiến dịch quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tiêu biểu là các chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947), Biên giới thu - đông (1950), đặc biệt là cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ (1954).

Là người lãnh đạo cao nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi (1954).

5. Lãnh đạo của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1969)

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh có những đóng góp to lớn đối với việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ở mỗi miền Nam - Bắc và nhiệm vụ chung của cả nước.

Đối với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 9 năm 1960). Nghị quyết nêu rõ: Đại hội này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 01 năm 1959), xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Từ năm 1965, khi Mỹ đưa quân trực tiếp tham chiến ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng phân tích tình hình, chỉ đạo toàn dân đánh Mỹ, đưa ra dự báo và thể hiện quyết tâm chống Mỹ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh thời đại, có vai trò to lớn trong hoạt động ngoại giao.

Trong các chuyến thăm nước ngoài (Trung Quốc, Liên Xô, Cộng hòa Dân chủ Đức,...), Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước và bạn bè quốc tế, đồng thời giữ vững đường lối độc lập tự chủ của cách mạng Việt Nam. Để nhân dân thế giới hiểu rõ và đồng tình ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam vạch trần tội ác chiến tranh của Mỹ trên cả hai miền Nam - Bắc, đón tiếp bạn bè quốc tế phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam, trong đó có nhân sĩ, trí thức Mỹ.

BÀI 16: DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

Năm 1987, cuộc họp của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 ở Pa-ri (Pháp) đã ra Nghị quyết số 24C/18.65, ghi nhận: “*Năm 1990 đánh dấu 100 năm kỉ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam*”.

Thế giới vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ hai nguyên nhân chủ yếu:

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh có đóng góp quan trọng về nhiều mặt trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, nhân cách, lối sống,... Những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh của truyền thống văn hóa Việt Nam và tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Cùng với việc vinh danh của UNESCO nhiều nước trên thế giới cũng có những hoạt động tưởng niệm chủ tịch Hồ Chí Minh bằng nhiều hình thức.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam

Sinh ra vào cuối thế kỷ XIX và hoạt động trong thế kỷ XX nhưng tên tuổi và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến và hi sinh cả cuộc đời cho dân tộc Việt Nam đặc biệt là trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và thống nhất đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương sáng về đạo đức, phẩm chất, lối sống cho các thế hệ người dân Việt Nam học tập và noi theo, đồng thời để lại di sản lớn trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là những giá trị về tư tưởng, văn hóa.

Sự vinh danh và tri ân của nhân dân Việt Nam đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh được nối tiếp qua nhiều thế hệ với những hình thức khác nhau

- Xây dựng công trình tưởng niệm:

+ Trên khắp cả nước, chính quyền và nhân dân các địa phương đã xây dựng nhiều công trình mang tên Hồ Chí Minh: bảo tàng, nhà lưu niệm, nhà truyền thống, quảng trường, tượng đài, khu di tích,...

+ Nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo (trường học, học viện), đường phố mang tên Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh.

- Xây dựng hình tượng nhân cách trong văn học nghệ thuật:

+ Trong các loại hình văn học chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành nguồn cảm hứng để các nhà văn, nhà thơ sáng tác tiêu biểu như các tác phẩm: Sáng tháng Năm, Bác ơi (Tố Hữu); Người đi tìm hình của nước (Chế Lan Viên); Búp sen xanh, Cuộc chia ly trên Bến Nhà Rồng (Sơn Tùng); Trông vờn cố quốc (Hoàng Quang Uyên),...

+ Trong lĩnh vực nghệ thuật, Chủ tịch Hồ Chí Minh là đề tài lớn cho nhiều nhạc sĩ sáng tác, các nhà biên kịch xây dựng kịch bản và các nghệ sĩ biểu diễn phục vụ công chúng, đặc biệt vào dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn, tiêu biểu như các bộ phim: Hẹn gặp lại Sài Gòn (kịch bản của Sơn Tùng, Long Vân đạo diễn); Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông (kịch bản của Hữu Mai, Nguyễn Khắc Lợi đạo diễn),...

Nhằm phát huy vai trò to lớn của tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2006 Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW, tổ chức cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Cuộc vận động đã lan tỏa và mang lại hiệu quả tích cực trên nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội.

Năm 2016, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được xác định gắn với quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2026
Nhóm sử 12